

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN
ĐỐI VỚI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG, ĐỢT II NĂM 2025

Đơn vị : Đồng

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng					Kết quả thực hiện nâng bậc lương trong năm					
		Nam	Nữ		Mã ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Mã ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm (1.000đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Xuân Phong	27/3/1977		ĐH	V.07.03.29	6	3.99	01/7/2022		V.07.03.29	7	4.32	01/7/2025		4633200
2	Nguyễn Thị Nga		16/12/1975	ĐH	V.07.03.29	8	4.65	01/9/2022		V.07.03.29	9	4.98	01/9/2025		3088800
3	Nguyễn Thị Xuân		19/9/1987	TC	V.08.03.07	8	3.26	01/7/2023		V.08.03.07	9	3.46	01/7/2025		2808000
4	Đỗ Duy Thanh	10/2/1986		ĐH	V.07.03.29	5	3.66	01/9/2022		V.07.03.29	6	3.99	01/9/2025		3088800
5	Vũ Đức Hạnh	26/02/1976		ĐH	V.07.03.28	4	5.02	01/9/2022		V.07.03.28	5	5.36	01/9/2025		3182400
6	Trần Quang Tính	06/5/1979		ĐH	V.07.03.29	5	3.66	01/9/2022		V.07.03.29	6	3.99	01/9/2025		3088800
7	Nguyễn Thị Thanh Xuân		03/6/1975	ĐH	V.07.03.29	5	3.66	01/12/2022		V.07.03.29	6	3.99	01/12/2025		772200
8	Trần Thu Hoài		16/4/1993	ĐH	V.07.03.08	3	2.72	01/7/2022		V.07.03.08	4	3.03	01/7/2025		4352400
	Tổng cộng:														25,014,600

Tổng số: 08 người./.

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Hào

Minh Tân, ngày 15 tháng 10 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Thanh

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO, ĐỢT II NĂM 2025

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh nghề nghiệp	Ngạch (mã số ngạch)	% phụ cấp thâm niên nhà giáo hiện hưởng		Kết quả thực hiện phụ cấp thâm niên nhà giáo		Ghi chú
						% phụ cấp thâm niên nhà giáo hiện hưởng	Thời điểm được hưởng	% phụ cấp thâm niên nhà giáo được hưởng	Thời gian tính để xét hưởng PC TNNG lần sau	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Hồng	26/01/1987	ĐH	Giáo viên	V.07.03.29	14%	01/9/2024	15%	01/9/2025	
2	Đỗ Duy Thanh	10/02/1986	ĐH	Giáo viên	V.07.03.29	14%	01/9/2024	15%	01/9/2025	
3	Hoàng Thanh Hải	15/01/1981	ĐH	Giáo viên	V.07.03.28	17%	01/9/2024	18%	01/9/2025	
4	Trần Ngọc Hoa	13/10/1985	ĐH	Giáo viên	V.07.03.28	17%	01/9/2024	18%	01/9/2025	
5	Phan Xuân Sáng	21/01/1988	ĐH	Giáo viên	V.07.03.28	11%	01/9/2024	12%	01/9/2025	
6	Vũ Thị Hồng Tho	21/03/1990	ĐH	Giáo viên	V.07.03.28	11%	01/9/2024	12%	01/9/2025	
7	Hà Thị Tâm	11/10/1991	ĐH	Giáo viên	V.07.03.28	10%	01/9/2024	11%	01/9/2025	
8	Trần Thị Hằng	03/05/1993	ĐH	Giáo viên	V.07.03.29	9%	01/10/2024	10%	01/10/2025	
9	Đào Thị Hiền	10/05/1993	ĐH	Giáo viên	V.07.03.29	9%	01/10/2024	10%	01/10/2025	
10	Nguyễn Thị Quỳnh Như	24/08/1992	ĐH	Giáo viên	V.07.03.07	9%	01/10/2024	10%	01/10/2025	
11	Đặng Thị Trang	26/02/1994	ĐH	Giáo viên	V.07.03.08	8%	01/11/2024	9%	01/11/2025	
12	Triệu Ngọc Dũng	15/02/1983	ĐH	Giáo viên	V.07.03.29	7%	01/12/2024	8%	01/12/2025	
13	Phạm Bích Hạnh	15/10/1990	ĐH	Giáo Viên	V.07.03.07	9%	01/12/2024	10%	01/12/2025	

Tổng số: 13 người./.

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Hào

Minh Tân, ngày 16 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Thanh